

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST;
Ngày: 09-01-2025;
V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Kim Chi.

Bà Trần Thu Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Sang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Ông Trần Việt Tú, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 253/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Nguyễn Văn H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T xin vắng mặt và anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn xin ly hôn và các lời trình bày tại tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn H sống chung vào năm 2005, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B. Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc

đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi, anh H nhậu nhẹt thường xuyên và không lo làm ăn chăm lo gia đình từ nhiều năm nay mặc dù chị đã khuyên can anh H nhiều năm nay nhưng không khắc phục được dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 6/2024 đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn lại được.

Về quan hệ tình cảm: Chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn Vũ Q, sinh ngày 10/10/2006 và Nguyễn Thu V, sinh ngày 22/12/2012. Hiện cháu Q đã trưởng thành, cháu V đang sống với anh H, khi ly hôn chị để cháu V sống với anh H và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn H mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh H vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.*

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về ly hôn, về nuôi con.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn H, yêu cầu nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa phương nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị T và anh H.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Văn H sống chung năm 2005, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị T xin ly hôn với anh H với lý do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi, anh H nhậu nhẹt thường xuyên và không lo làm ăn chăm lo gia đình từ nhiều năm nay mặc dù chị T đã khuyên can anh H nhiều năm nay nhưng không khắc phục được dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị T và anh H đã sống ly thân từ đầu tháng 6/2024 đến nay. Chị T xin vắng mặt và vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh H; phía anh H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa cho thấy anh H không có thành ý cứu vãn cuộc hôn nhân giữa anh chị. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3.2] Về con chung: Xét yêu cầu của chị T giao cháu Nguyễn Thu V, sinh ngày 22/12/2012 cho anh H nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy cháu V hiện đang sống với anh H đã ổn định về chỗ ở, về điều kiện học hành, về tâm lý; đồng thời cháu V có nguyện vọng muốn được sống với anh H. Phía anh H không có văn bản ý kiến trình bày ý kiến về việc nuôi con chung cho thấy anh H cũng đồng ý với hiện trạng nuôi con như hiện nay. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu V cho anh H nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng không xem xét.

[3.4] Về tài sản chung: Chị T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5] Về nợ chung: Chị T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T.

Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thu V, sinh ngày 22/12/2012 cho anh Nguyễn Văn H nuôi dưỡng cho đến khi cháu Vân đủ 18 tuổi, lao động được.

Chị Nguyễn Thị Thu T được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Trường hợp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009815 ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, do vậy chị T đã nộp xong án phí.

Báo nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh
- VKSND huyện G;
- CQ thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Xuân